TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2019.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.
2. Bà Phan Thị Thúy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.

HKTT: Xóm P, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt).

+ Bị đơn: Chị Nguyenová Thanhová Th, sinh năm 1996.

HKTT: Cộng hòa Séc.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh được khoảng 01 tháng thì chị Th phải trở về bên Séc để tiếp tục học. Đến năm 2017 anh T sang bên Séc để chung sống với chị Th. Hai vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh

phúc được 8 tháng thì anh T phải trở về Việt Nam do không làm được thủ tục nhập cư ở Séc. Từ đó đến nay anh chị cũng ít liên lạc, chị Th cũng không về Việt Nam. Nay anh T xác định tình cảm không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án ly hôn của bị đơn chị Th gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Chị xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân phù hợp với lời khai của anh T. Về quan hệ hôn nhân chị xác định do khoảng cách địa lý cũng như truyền thống khác nhau, anh T không thể sang bên Séc để nhập cư nên anh chị phát sinh mâu thuẫn. Bản thân chị xác định cũng không muốn về Việt Nam đoàn tụ với anh T. Đối với nguyện vọng xin ly hôn của anh T, chị đồng ý.

Về con chung: Chị Th xác định vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Th xác định không có.

Hiện nay, do chị đang sinh sống và học tập bên Cộng hòa Séc nên chị không thể sang Việt Nam trực tiếp giải quyết, chị có nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn là người Cộng hòa Séc, hiện đang sinh sống và học tập tại Séc, có địa chỉ cụ thể. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có đơn trình bày quan điểm cá nhân đối với việc giải quyết vụ án ly hôn gửi Tòa án, thể hiện ý kiến của mình và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyenová Thanhová Th trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng có khoảng thời gian chung sống ở Việt Nam rồi chị Th phải quay lại Séc để tiếp tục học tập. Đến năm 2017 anh T có sang Séc để chung sống cùng chị Th. Hai vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc được 8 tháng thì anh T phải trở về Việt Nam do không làm được thủ tục nhập cư. Dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay vợ chồng ít khi liên lạc, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Anh T xác định tình cảm vợ chông không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Tại quan điểm cá nhân về việc giải quyết vụ án ly hôn của chị Th gửi về cho Tòa án, chị cũng thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Về việc anh T xin ly hôn, chị Th hoàn toàn nhất trí nên cho anh T được ly hôn chị Th là phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Anh T và chị Th đều xác định không có.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị Th đều xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] □n phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T cho anh T được ly hôn chị Nguyenová Thanhová Th. Con chung, tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng 28, 37, khoản 2 Điều 38, 147, 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyenová Thanhová Th.

2. Về con chung: Chưa có.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. □n phí: Anh Nguyễn Văn T chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008794 ngày 11/6/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh T quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Th được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh;*
- *Cục THADS tỉnh;*
- *UBND huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hồng Phương